

Nguồn vốn nào cho đầu tư cơ sở hạ tầng của Việt Nam hiện nay?

Lê Thị Thanh Huyền

Tình trạng đường xá và cơ sở hạ tầng nghèo nàn dẫn đến sự biệt lập giữa các làng xã là một trong những nguyên nhân chính làm gia tăng khoảng cách về mức sống và cơ hội giữa các vùng. Đầu tư vào cơ sở hạ tầng sẽ cải thiện mức sống và gia tăng cơ hội kinh tế cho những cộng đồng chịu nhiều thiệt thòi, đồng thời tạo ra một môi trường kinh tế thuận lợi để phát triển kinh tế đất nước.

Nhận thức được điều đó, trong thời gian qua, Nhà nước đã chủ trương tập trung đầu tư cho cơ sở hạ tầng và đạt được một số thành tựu đáng kể. Theo báo cáo Phát triển Việt Nam 2005 của Ngân hàng Thế giới (WB), cơ sở hạ tầng của Việt Nam đã được cải thiện đáng kể. Mật độ 0,63 km đường/ km² bề mặt ở Việt Nam đã ngang bằng với những nước phát triển trong khu vực ASEAN như Thái Lan. Tỷ lệ đường rải nhựa đã tăng từ 60% năm 1999 lên 84% năm 2003. Số xã thiếu hệ thống giao thông nối với trung tâm huyện tới nay giảm xuống còn 269 xã so với trên 600 xã năm 1999, tương đương với 2,6% tổng số xã trong cả nước. Nhiều đường bộ và đường sắt đã được sửa chữa hoặc xây dựng lại. Các cảng lớn được mở rộng và hiện đại hoá với công suất bốc dỡ tăng lên tới hơn 70 triệu tấn/năm, gần gấp đôi sản lượng đã được thống kê năm trước.

Tuy nhiên cơ sở hạ tầng mới phát triển mạnh ở các thành phố lớn và trung tâm của cả nước, các vùng nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa còn rất thiếu. Nhìn chung, mức độ phát triển hạ tầng chưa đáp

ứng được nhu cầu phát triển hiện tại và trong tương lai của sản xuất kinh doanh trong nước, cũng như nhu cầu phát triển của nhiều địa phương trong tương lai. Để thấy được khoảng cách giữa chúng ta và các nước về kết cấu hạ tầng có thể so sánh với Thái Lan là nước có trình độ phát triển trung bình của ASEAN (Thái Lan đứng sau Singapore, Malaysia, và trước Phillippin, Inđonêxia về nhiều chỉ tiêu phát triển) (bảng dưới).

Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trong vòng 5 năm tới, toàn bộ các xã của cả nước mới có thể có điện thoại, 70% hộ gia đình được dùng điện lưới và toàn bộ dân cư đô thị và 80% cư dân nông thôn được cấp nước sạch. Để đạt được những yêu cầu này, những năm tới, mỗi năm cần đầu tư khoảng 3,5 tỷ USD cho bốn lĩnh vực là đường bộ, viễn thông, điện và nước, trong đó vốn ngân sách và nguồn ODA chỉ đáp ứng được khoảng 1/3. Do đó, để phát triển cơ sở hạ tầng đòi hỏi phải huy động rất nhiều nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, nguồn tài trợ, doanh nghiệp tư nhân và từ dân...

Nhưng trên thực tế có một khó khăn đặt ra đối với nguồn vốn đầu tư cho cơ sở hạ tầng đó là:

+ Vốn đầu tư phát triển cho cơ sở hạ tầng thường đòi hỏi khối lượng lớn và thời hạn dài. Cơ sở hạ tầng thường là các công trình có thời gian sử dụng lâu dài, có thể dùng cho nhiều thế hệ như đường xá, cảng... có khối lượng xây dựng rất lớn và bản thân nó đòi hỏi nhiều công trình xây dựng liên quan, do đó, kinh phí cho việc xây dựng, vận hành, sửa chữa, tu bổ, bảo dưỡng

đòi hỏi phải lớn và có thời hạn hoàn vốn dài.

+ Vốn đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng có khả năng sinh lời thấp và có rủi ro cao, thời gian thu hồi vốn lâu. Thực tế cho thấy cơ sở hạ tầng là lĩnh vực mà sản phẩm của nó mang tính công ích, mà giá cả của nó thường bị Nhà nước điều tiết, khống chế; phạm vi tiêu dùng của nó rất rộng, chi phối nhiều hoạt động của nền kinh tế - xã hội, do đó, nó là lĩnh vực có khả năng sinh lời thấp, không có khả năng thu hồi vốn, hay nói cách khác là có rủi ro cao.

Do đó, việc huy động nguồn vốn để đầu tư cho cơ sở hạ tầng là một vấn đề nan giải của nước ta hiện nay. Cụ thể đối với một số nguồn vốn:

+ Đối với nguồn vốn từ ngân hàng, trên thực tế nguồn vốn này của nước ta hiện nay chủ yếu vẫn là ngắn hạn với lãi suất cao. Vì vậy, khả năng đầu tư vốn của ngân hàng cho việc đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng là rất hạn chế. Thành phố Hồ Chí Minh là một ví dụ, trong năm 2005, dự kiến tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn Thành phố là 53.000 tỷ đồng. Trong số này, chỉ riêng nguồn vốn trung và dài hạn chiếm khoảng 46.000 tỷ đồng. Tuy nhiên, việc huy động từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng đang là mối lo lớn của thành phố. Theo các ngân hàng trên địa bàn thành phố, hiện tại hầu hết vốn các ngân hàng thương mại là nguồn vốn ngắn hạn. Ông Hoàng Văn Toàn, Tổng giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Á cho rằng, nếu lấy vốn ngắn hạn đầu tư cho dài hạn, tiềm ẩn nguy cơ bất ổn, thậm chí có thể dẫn

đến lạm phát, khủng hoảng tài chính như các nước Đông Nam Á vào những năm cuối thập kỷ 90 của thế kỷ trước.

+ Đối với nguồn vốn từ các doanh nghiệp. Theo WB, để đáp ứng đủ nguồn vốn Việt Nam cần áp dụng chính sách huy động vốn từ các doanh nghiệp. Từ năm 1992, chúng ta đã bắt đầu chú ý tới việc thu hút nguồn đầu tư của doanh nghiệp vào lĩnh vực này, bằng cách đưa ra những chính sách ưu đãi về thuế, giá thuê đất và đưa ra hình thức BOT, cho phép các doanh nghiệp vay tín dụng để nâng cấp, cải tạo đường cũ và thu phí giao thông để hoàn vốn; doanh nghiệp ứng tiền ra làm đường trước, Chính phủ dùng ngân sách thanh toán sau. Nhiều đường quốc lộ đã được nâng cấp và sửa chữa bằng cách này như Quốc lộ 51 thành phố Hồ Chí Minh - Vũng Tàu, Quốc lộ 14 từ Buôn Ma Thuột đi Chơn Thành (Bình Phước), đường Láng - Hoà Lạc (Hà Nội-Hà Tây) và một số đoạn đường nội đô ở thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương. Mặc dù đạt được những kết quả bước đầu, nhưng nhìn chung hình thức đầu tư này cũng có nhiều hạn chế do các nhà đầu tư trong nước gặp khó khăn về tài chính không thể thực hiện những dự án có qui mô lớn.

+ Nguồn vốn ODA: Vốn vay ODA của nước ngoài là các khoản vốn vay có nhiều ưu đãi như lãi suất thấp, thời hạn hoàn trả dài, do đó, là khoản vốn đầu tư thích hợp cho việc xây dựng công trình cơ sở hạ tầng. Đây là khoản vốn mà các nước đang phát triển tập trung tìm mọi cách để thu hút và nước ta cũng vậy. Tuy nhiên nguồn vốn ODA hiện nay có xu hướng đang giảm và dự báo trong 10 năm tới sẽ giảm vì một số nước chủ nợ ODA lớn như Nhật, Đức, Pháp, Mỹ đang phải đối phó với nhiều vấn đề kinh tế - xã hội cấp

bách về thâm hụt ngân sách, đồng đôla mất giá... Đồng thời nguồn vốn ODA tuy là nguồn vốn có nhiều ưu đãi nhưng cũng là khoản vay đòi hỏi phải thanh toán đúng hạn rất nghiêm ngặt, nhiều khi sử dụng không có hiệu quả dễ dẫn đến khủng hoảng nợ cho đất nước.

+ Vốn của người dân: Theo quan điểm chung, nguồn vốn lâu dài và bền vững phù hợp để đầu tư cho cơ sở hạ tầng là huy động từ trong dân, thông qua phát hành trái phiếu. Thành phố Hồ Chí Minh gần đây đã mở ra kênh huy động vốn mới là trái phiếu đô thị (TPĐT) với mức huy động mỗi năm phát hành khoảng 2.000 tỷ đồng. Thế nhưng kênh này mới chỉ thực hiện một nhiệm vụ, đó là tạo vốn cho ngân sách thành phố chứ chưa thật sự tạo ra cơ hội đầu tư và thúc đẩy hình thành thị trường vốn cho thành phố Hồ Chí Minh. Hầu hết TPĐT đã được phát hành do các ngân hàng và công ty bảo hiểm, quỹ đầu tư mua. Người dân thành phố vẫn xa lạ với TPĐT, theo ông Nguyễn Phước Thanh, giám đốc VCB thành phố Hồ Chí Minh, lãi suất TPĐT chỉ nhỉnh hơn lãi suất của ngân

hàng trong khi kỳ hạn lại dài hơn nên TPĐT chưa huy động được nguồn lực của dân vào các công trình cơ sở hạ tầng. Mặt khác, TPĐT kém hấp dẫn vì quá chung chung, cụ thể TPĐT của thành phố hiện nay là trái phiếu tổng hợp, tiền huy động đưa vào ngân sách. Trong khi người dân khi bỏ tiền đầu tư thường thích mua trái phiếu công trình cụ thể: trái phiếu nhà máy nước, trái phiếu cầu - đường. Nhà đầu tư sẽ cảm nhận được tính hiệu quả của dự án qua đó quyết định đầu tư nhiều hay ít. Bên cạnh đó theo ông Phạm Văn Thiết - tổng giám đốc Ngân hàng Á Châu - việc phát hành TPĐT thời gian qua chẳng khác nào đào kênh dẫn vốn nhưng là kênh cạn, còn khúc khuỷu nên chưa thể dẫn vốn. Vốn trong dân còn rất lớn nhưng đó mới chỉ là tiền, để chuyển tiền thành vốn là cả một quá trình nữa. Cần phải có cơ chế để biến từng đồng tiền của cá nhân thành vốn của xã hội.

Giải pháp để khơi thông nguồn vốn đầu tư cho cơ sở hạ tầng.

+ Nhà nước cần có cơ chế cho

So sánh một số chỉ tiêu sử dụng cơ sở hạ tầng giữa Việt Nam và Thái Lan		
Chỉ tiêu	Việt Nam	Thái Lan
1. Viễn thông		
Số đường dây điện thoại trên 100 người dân	2,6	7,9
Số người sử dụng điện thoại di động trên 100 người dân	0,18	3,31
Số người sử dụng Internet tính trên 10.000 người dân	0,02	6,00
2. Năng lượng điện		
Tỷ lệ dân được dùng điện (%)	75	89
Mức tiêu dùng điện theo đầu người (kwh)	290	1.570
3. Vận tải		
Đường sắt: *km - hành khách/1 người (triệu USD sức mua tương đương của GDP)	21,84	33,635
*km - hàng hoá/1 triệu USD sức mua tương đương của GDP	11,36	8,835
4. Nước sạch		
Tỷ lệ dân được cung cấp nước sạch	65	89
Nguồn: Năng lực cạnh tranh quốc gia - Viện Nghiên cứu QLKT Trung ương.		

phép ngân hàng được thực hiện các biện pháp chế tài khi chủ đầu tư khai thác dự án không hiệu quả và không trả nợ cho ngân hàng như: cho phép thế chấp quyền sở hữu tài sản và quyền được cầm cố thế chấp tài sản của doanh nghiệp nhà nước; hoặc cho phép thay đổi chủ đầu tư, mua bán, được chuyển nhượng tài sản dự án khi ngân hàng thực hiện quyền xử lý tài sản để thu hồi nợ... cũng là một giải pháp để ngân hàng mạnh dạn tham gia đầu tư.

+ Phát huy kênh tạo vốn cho cơ sở hạ tầng với sự kết hợp "ba nhà": Ngân hàng - công ty hạ tầng chuyên nghiệp - chứng khoán. Vốn từ cổ phiếu là vốn môi, trên cơ sở đó ngân hàng cho vay để có nguồn vốn lớn hơn, tới đây có thể huy động thêm trên thị trường chứng khoán để đầu tư cho các dự án lớn. Mô hình này đã được thực hiện ở Công ty cổ phần Đầu tư hạ tầng kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh (CII). Ông Lê Vũ Hoàng - tổng giám đốc CII - cho biết, có cơ chế và biết làm thì chỉ cần 1 đồng là đã huy động được thêm hàng trăm đồng khác. Vừa có vốn cho dự án, vừa mang lại cho người dân cơ hội đầu tư vốn các dự án. Với 300 tỷ đồng vốn điều lệ, CII đã

mua lại quyền thu phí tuyến đường Hà Nội và An Dương Vương với giá 1000 tỷ đồng. CII đã tự huy động được 450 tỷ đồng vốn dài hạn với lãi suất chỉ 0,82%/tháng để thanh toán tiền mua đường cho ngân sách thành phố. Đến năm 2007, CII sẽ trả dứt khoản nợ này. Cùng với cơ chế vốn mới này, CII cùng một số doanh nghiệp đang thực hiện nhiều dự án cơ sở hạ tầng của thành phố như: liên doanh BOT cầu Phú Mỹ, liên doanh xây dựng Nhà máy nước Thủ Đức, nhà máy nước Kênh Đông. Ông Hoàng cho biết trong 3 năm tới CII phải huy động khoảng 360 tỷ đồng để triển khai tám dự án. Theo ông Hoàng, càng mở rộng, thu hút thêm nhiều doanh nghiệp và nhà đầu tư tham gia, có nghĩa bài toán được nhiều người cùng giải thì việc tạo vốn trung và dài hạn sẽ thuận lợi hơn rất nhiều.

+ Cần phải phát huy nguồn vốn từ ngân sách, sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, lập các công ty cổ phần trong lĩnh vực tài chính, công ty cổ phần đầu tư cơ sở hạ tầng, thu hút nguồn vốn ODA, vốn của lực lượng kiều bào nước ngoài... là kênh để tạo vốn trung và dài hạn tốt cho đầu tư cơ sở hạ tầng. ■

TRUNG QUỐC TRONG NƯỚC

Tổ chức đấu giá cổ phần doanh nghiệp ĐTNĐ đầu tiên

Theo tin từ Ủy ban Chứng khoán nhà nước, Công ty cổ phần Dây và cáp điện TAYA Việt Nam (TAYA Việt Nam) sẽ là công ty có 100% vốn đầu tư nước ngoài đầu tiên tiến hành đấu giá cổ phần thông qua sàn giao dịch chứng khoán, dự kiến sẽ được tiến hành đồng thời vào chiều 27/5 tới tại hai trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

Với mức vốn điều lệ 182,6 tỉ đồng, TAYA Việt Nam dự kiến sẽ phát hành ra công chúng 2,44 triệu cổ phần mệnh giá 10.000 đồng (tương đương 24,4 tỷ đồng), tuy nhiên giá khởi điểm được xác định là 18.000 đồng/cổ phần (khoảng 43,9 tỷ đồng). Ủy ban Chứng khoán nhà nước cho biết việc đăng ký đấu giá sẽ được tiến hành đến 16 giờ ngày 24/5.

Đàm phán gia nhập WTO sẽ khá quan

Theo đánh giá của đoàn đàm phán Chính phủ về kinh tế - thương mại quốc tế Việt Nam, khả năng kết thúc đàm phán song phương với một số đối tác về việc Việt Nam gia nhập WTO trong một vài cuộc gặp tới là khá quan trọng. Theo đoàn đàm phán, các cuộc đàm phán song phương tại Gionevơ lần này đã kết thúc với một số kết quả tích cực. Việt Nam đã ký tất Dụ thảo thuận về các cam kết dành cho Uruguay. Ngoài các cuộc đàm phán chính thức với 6 đối tác trên, đoàn đàm phán và phái đoàn Việt Nam tại Liên hợp quốc đã có các cuộc tiếp xúc với Ấn Độ, Côlômbia và Canada, nhằm hỗ trợ cho đàm phán song phương với các đối tác này trong tháng 5.

